ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

Số: 16556/SYT– KHTC
V/v triển khai Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2026

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN
Số đến: 1571
Ngày đến: 5/11

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở.

Ngày 27/8/2026, Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND);

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại văn bản 9897/UBND-ĐT ngày 12/10/2026 về quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Y tế đề nghị các cơ quan, đơn vị trực thuộc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động nghiên cứu và triển khai thực hiện các quy định liên quan tại Nghị quyết nêu trên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND Thành phố (báo cáo);
- Ban Giám đốc Sở;
- Văn phòng Sở (để thực hiện);
- Lưu: VT, KHTC;
ĐTHT/Huyền.

(Đính kèm: Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Vĩnh Châu

Chuyển
- TCKT
- TCHC
- Lưu
05/11/26

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 9897 /UBND-ĐT	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2026*

Về quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tài chính;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu.

Thực hiện Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo thẩm quyền quy định; những trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ban Đô thị - HĐND TP;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Phòng ĐT, KT, TH;
- Lưu: VT, (ĐT-LHT).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Minh Thạnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2026/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 11/2022/QH15, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 54/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 1066/TTr-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Nghị quyết quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 131/BC-BĐT ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ban Đô thị Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định việc phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân Thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý, tổ chức thực hiện và sử dụng ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách Thành phố

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải;

d) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân Thành phố; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trên địa bàn Thành phố;

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải

rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách Thành phố không hỗ trợ;

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố theo dự án đầu tư;

c) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch Thành phố (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).

4. Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học) thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, cấp lĩnh vực; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; theo dõi, giám sát, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính các cơ sở trong phạm vi quản lý; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố;

đ) Hoạt động phát triển thị trường các-bon trong nước;

e) Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố;

g) Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa bàn;

h) Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân Thành phố.

6. Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ.

7. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật;

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

c) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

8. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;

b) Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật.

9. Các hoạt động quản lý Nhà nước khác về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch Thành phố;

c) Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng

các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn;

d) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường;

e) Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường;

g) Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

h) Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

i) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định;

k) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều phối, Tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền thành lập; tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

l) Cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho quỹ bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

m) Các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định của pháp luật; các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 4. Nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường của ngân sách cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

a) Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn.

b) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm:

a) Cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách

nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

b) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên thuộc nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học trên địa bàn quản lý (trừ lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học).

6. Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm:

a) Truyền thông nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Các hoạt động quản lý Nhà nước khác về bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường;

b) Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường;

c) Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định;

d) Các hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật; các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng

phó với biến đổi khí hậu khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định và được Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được đảm bảo từ nguồn ngân sách Thành phố và ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 9 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường và chính sách hỗ trợ cho người thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

b) Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường cho các cấp ngân sách trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa XI, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Kho bạc Nhà nước KVII;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, SNNMT, (BĐT - Yến, Vân).

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Võ Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 37443/SNNMT-KHTC

Về triển khai thực hiện Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KHẨN

Kính gửi:
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Ủy ban nhân dân các phường, xã và đặc khu.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND);

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại văn bản 9897/UBND-ĐT ngày 12 tháng 10 năm 2026 về quy định phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cấp ngân sách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị các sở, ban, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã và đặc khu chủ động nghiên cứu Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND để triển khai thực hiện, xây dựng kế hoạch và lập dự toán kinh phí hằng năm đúng quy định; bảo đảm quản lý, sử dụng ngân sách công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản hồi hoặc báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính gửi các sở, ban, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân các phường, xã và đặc khu để biết, triển khai thực hiện./.

(Đính kèm Nghị quyết số 41/2026/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND TP
- TTCĐS (đăng Website);
- Lưu: VT, KHTC;
- DT: Quốc.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Bích Thủy